

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Quy hoạch phát triển dược liệu tỉnh Lào Cai
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 về việc ban hành danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển giai đoạn 2015 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BYT ngày 03/9/2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố

quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV (nhiệm kỳ 2015-2020) và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai; Đề án tái cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 324/TTr-SNN ngày 30/11/2016 (Kèm theo Báo cáo thẩm định Quy hoạch phát triển dược liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Lào Cai),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển dược liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

I. Quan điểm quy hoạch

1. Quy hoạch phát triển cây dược liệu hàng hóa theo hướng ổn định, lâu dài với quy mô diện tích lớn, tập trung, chuyên canh trên cơ sở khai thác các lợi thế về: điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thị trường. Các vùng quy hoạch phải phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

2. Quy hoạch phát triển cây dược liệu phải gắn với việc bảo tồn, phát triển các nguồn gen quý hiếm phát huy nghề truyền thống và góp phần cải thiện đời sống đồng bào vùng cao.

3. Quy hoạch phát triển dược liệu hàng hóa phải gắn với thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến, cơ cấu sản phẩm đa dạng bảo đảm an toàn và chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP – WHO) khi tiêu thụ trên thị trường, từ đó tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

4. Quy hoạch phải gắn với việc nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ đầu tư cho khoa học – công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm dược liệu từ khâu trồng trọt, thu hái và chế biến sản phẩm.

5. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng dược liệu, đẩy mạnh xuất khẩu dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu.

II. Mục tiêu của Quy hoạch

1. Mục tiêu chung

- Tập trung phát triển các chủng loại dược liệu hàng hóa, trong đó ưu tiên phát triển các chủng loại dược liệu có lợi thế cạnh tranh lớn nhờ phù hợp các tiểu vùng khí hậu mát, á nhiệt đới trên địa bàn tỉnh Lào Cai, từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước đưa nghề trồng cây dược liệu tại các vùng quy hoạch trở thành một nghề có thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lào Cai.

- Từng bước xây dựng được các vùng cây dược liệu phát triển ổn định, lâu dài, góp phần nâng cao giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất, người tiêu dùng và môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020:

- Ưu tiên quy hoạch phát triển 10 chủng loại cây dược liệu có thể mạnh về thị trường tiêu thụ trên cơ sở khai thác các điều kiện của các tiểu vùng khí hậu á nhiệt đới và rừng tự nhiên. Tổng diện tích quy hoạch đạt 1.200 ha, sản lượng đạt khoảng 5 - 5,5 nghìn tấn/năm, trong đó:

+ Trồng trên đất cây hàng năm 730 ha, kết hợp trồng xen cây dược liệu trên đất rừng 470 ha, từng bước tăng giá trị sử dụng đất của vùng quy hoạch.

+ Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong công tác tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phần đầu 60% sản lượng cây dược liệu được tổ chức theo chuỗi khép kín từ quản lý sản xuất đến tiêu thụ và chế biến sản phẩm, từng bước tạo đầu ra ổn định trên thị trường.

- Trên 60% diện tích và sản lượng cây dược liệu của vùng quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO).

b) Tầm nhìn đến năm 2030

- Mở rộng diện tích và chủng loại dược liệu hàng hóa có ưu thế trên địa bàn tỉnh Lào Cai lên 22 chủng loại chính với diện tích đạt 3.700 ha, sản lượng đạt khoảng 11 - 11,5 nghìn tấn/năm. Trong đó:

+ Trồng trên đất cây hàng năm 1.950 ha, kết hợp trồng xen cây dược liệu trên đất rừng 1.750 ha, từng bước tăng giá trị sử dụng đất của vùng quy hoạch.

+ Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong công tác tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phần đầu 100% sản lượng cây dược liệu được tổ chức theo chuỗi khép kín từ quản lý sản xuất đến tiêu thụ và chế biến sản phẩm, từng bước tạo đầu ra ổn định trên thị trường.

- 100% diện tích và sản lượng cây dược liệu của vùng quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO).

III. Nội dung chủ yếu

1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển cây dược liệu hàng hóa, tập trung

a) *Phân theo hiện trạng sử dụng*

Tổng diện tích đất quy hoạch đến năm 2030 là 3.700 ha trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: có diện tích là 1.905 ha.

- Đất lâm nghiệp: có diện tích là 1.670 ha.

- Đất trồng lúa tại những vị trí có điều kiện khí hậu và tưới tiêu thuận lợi cũng được khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang phát triển những chủng loại có giá trị kinh tế cao hơn như tại 2 xã: Lao Chải (Sa Pa) và Y Tý (Bát Xát) được chuyển đổi 75 ha.

- Đất trồng cây lâu năm (chủ yếu là cây ăn quả): là 50 ha.

b) Phân theo mức độ thích nghi:

Tổng diện tích quy hoạch cây dược liệu hàng hóa, tập trung tỉnh Lào Cai tầm nhìn đến năm 2030 đạt 3.700 ha, trong đó:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): ưu tiên khai thác quỹ đất có độ thích nghi cao với S1 là 765 ha, S2 là 435 ha với tổng diện tích quy hoạch đạt 1.200 ha.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2021 đến năm 2030): tập trung mở rộng diện tích quỹ đất có mức độ thích nghi thấp hơn S2 là 2.500 ha, không quy hoạch diện tích đất có mức độ thích nghi thấp là S3. Tổng diện tích quy hoạch đến năm 2030 đạt là 3.700 ha.

2. Quy hoạch chủng loại, diện tích và sản lượng cây dược liệu hàng hóa

a) Quy mô diện tích, chủng loại và phân bố vùng sinh thái cây dược liệu hàng hóa tỉnh Lào Cai

Tập trung phát triển 22 chủng loại dược liệu hàng hóa có ưu thế phát triển trên địa bàn, ngoài ra để một diện tích nhỏ khảo nghiệm và phát triển các giống cây dược liệu mới thích nghi với điều kiện của tỉnh và phù hợp với nhu cầu thị trường, cụ thể:

- Nhóm cây dược liệu trồng trên đất trồng cây hàng năm có 14 cây, tập trung chủ yếu là những chủng loại cây có nguồn gốc á nhiệt đới mà thích hợp với điều kiện khí hậu ưu đãi trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2020): tập trung lựa chọn 7 chủng loại cây dược liệu hàng năm được thị trường tiêu thụ đang có nhu cầu tiêu thụ lớn và có ưu thế phát triển trên địa bàn tỉnh là actisô, đương quy, xuyên khung, độc hoạt, bạch chuật, tam thất, y dĩ, trong đó có 4 chủng loại được ưu tiên phát triển với quy mô lớn là Actisô, đương quy, xuyên khung, tam thất. Việc phân bố các chủng loại cây dược liệu này cũng được lựa chọn tại những vùng có khí hậu đặc thù, phù hợp với từng chủng loại cây trồng như: Actisô được phân bố chủ yếu tại 1 số xã của huyện Sa Pa và huyện Bắc Hà; Đương quy và Xuyên Khung được phân bố tại một số xã của các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Si Ma Cai; Cây tam thất cũng được ưu tiên phát triển tại một số xã có khí hậu đặc thù tại Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát và Mường Khương.

+ Giai đoạn 2 (từ năm 2021 đến năm 2030): lựa chọn 14 chủng loại cây dược liệu hàng năm có ưu thế phát triển trên địa bàn tỉnh Lào Cai là: Actisô, đương quy, xuyên khung, tục đoạn, đẳng sâm, độc hoạt, vân mộc hương, bạch chuật, bạch chỉ, dương cam cúc, huyền sâm, tam thất, ô dầu, y dĩ. Việc phân bố các chủng loại cây dược liệu này cũng được lựa chọn tại những vùng có khí hậu đặc thù, phù hợp với từng chủng loại cây trồng được lựa chọn tại các vùng quy hoạch.

- Nhóm cây dược liệu thích hợp với đất rừng: Trong đó việc lựa chọn, phân bố chủng loại cây dược liệu với từng địa phương có sự khác nhau theo giai đoạn phát triển cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2020): lựa chọn 3 chủng loại cây dược liệu trồng trên đất rừng đang có nhu cầu tiêu thụ lớn và có ưu thế phát triển trên địa bàn tỉnh Lào Cai là: Hồi, Chè dây và Sa Nhân tím. Trong đó: Cây chè dây và Sa Nhân tím chủ yếu tại Bát Xát và Bắc Hà; cây Hồi chủ yếu tại huyện Mường Khương.

+ Giai đoạn 2 (từ năm 2021 đến năm 2030): Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích các cây dược liệu đã phát triển trong giai đoạn 1, mở rộng sang một số đối tượng có tiềm năng lớn, thích hợp với điều kiện khí hậu đặc thù và rừng tự nhiên của tỉnh như: Hà thủ ô đỏ, hoàng bá, đỗ trọng, bình vôi.... Dự kiến giai đoạn này lựa chọn 8 chủng loại cây dược liệu phù hợp với đất rừng và trồng xen trong rừng với việc lựa chọn chủng loại và phân bố cây dược liệu dựa theo điều kiện đặc thù về tự nhiên của mỗi địa phương.

b) Sản lượng cây dược liệu hàng hóa tỉnh Lào Cai

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): sản lượng cây dược liệu hàng hóa đạt từ 4.500 tấn đến 5.000 tấn sản phẩm. Trong đó nhóm cây dược liệu được trồng trên đất trồng cây hàng năm chiếm tỷ lệ lớn, trên 60% cơ cấu sản lượng dược liệu hàng hóa của tỉnh.

- Giai đoạn 2 (tầm nhìn đến năm 2030): sản lượng cây dược liệu hàng hóa đạt từ 11.000 tấn đến 11.500 tấn sản phẩm. Trong đó nhóm cây dược liệu được trồng trên đất trồng cây hàng năm sẽ giảm xuống chỉ chiếm khoảng 52,7% cơ cấu sản lượng dược liệu hàng hóa của tỉnh.

3. Quy hoạch hệ thống tiêu thụ, chế biến sản phẩm

3.1. Quy hoạch hệ thống thu gom, sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm dược liệu của tỉnh Lào Cai

a) Quy hoạch hệ thống thu gom, sơ chế và bảo quản dược liệu

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): 10 cơ sở

- Giai đoạn 2 (2021 đến 2030): 12 cơ sở

Quy mô mỗi khu sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm cây dược liệu khoảng 500 - 1000 m², tùy theo quy mô vùng sản xuất.

b) Cơ sở chế biến sản phẩm dược liệu

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): 2 cơ sở tại Sa Pa và thành phố Lào Cai

- Giai đoạn 2 (2021 đến 2030): 1 cơ sở tại Bắc Hà.

Tổng số cơ sở chế biến dược liệu đến năm 2030 là: 03 cơ sở, lựa chọn đặt tại vùng có nguồn nguyên liệu lớn hoặc tại đầu mối giao thông vùng nguyên liệu.

3.2. Quy hoạch hệ thống tiêu thụ sản phẩm

Dự kiến phương án tiêu thụ sản phẩm theo hình thức liên kết tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): sẽ có khoảng 2,9 nghìn tấn sản phẩm, tương đương khoảng 60% sản lượng dược liệu.

- Giai đoạn 2 (từ 2021 đến năm 2030): sẽ có khoảng 10,3 nghìn tấn sản phẩm, tương đương khoảng 90% sản lượng dược liệu.

- Dự kiến phương án tiêu thụ sản phẩm theo hình thức thị trường tự do:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2020): sẽ có khoảng 1,9 nghìn tấn sản phẩm, tương đương khoảng 40% sản lượng dược liệu.

+ Giai đoạn 2 (từ 2021 đến năm 2030): sẽ có khoảng 1,1 nghìn tấn sản phẩm, tương đương khoảng 10% sản lượng dược liệu.

4. Quy hoạch nguồn cung ứng đầu vào cho sản xuất cây dược liệu

Phương án-quản lý nguồn-cung-ứng-đầu-vào-cho-sản-xuất-cây-dược-liệu-vùng quy hoạch như sau:

4.1. Quy hoạch nguồn cung ứng giống cây dược liệu vùng quy hoạch

a) Quy mô nguồn giống cây dược liệu phục vụ vùng quy hoạch

- Đến năm 2020 nhu cầu giống cây dược liệu: Nhóm cây dược liệu hàng năm là 77,5 triệu cây và 11,2 tấn hạt giống và cho nhóm cây lâu năm và trồng xen tán rừng là 1,9 triệu cây giống (tương đương mỗi năm khoảng 0,5 triệu cây giống).

- Đến năm 2030 nhu cầu giống cây dược liệu: Nhóm cây dược liệu hàng năm là 153,6 triệu cây và 31,9 tấn hạt giống; cho nhóm cây lâu năm và trồng xen tán rừng là 6,7 triệu cây giống (tương đương mỗi năm khoảng 0,6 triệu cây giống).

b) Quy hoạch nguồn cung ứng giống cây dược liệu

Dự kiến đến năm 2020 sẽ có khoảng 30% lượng giống cây dược liệu được cung ứng qua hệ thống trên và đến năm 2030 sẽ là 60% lượng nhu cầu giống của vùng quy hoạch, cụ thể:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): xây dựng 2 cơ sở chuyên nuôi ươm và nhân giống cây dược liệu tại 2 huyện Sa Pa, Bắc Hà (mỗi huyện xây dựng 1 cơ sở).

- Giai đoạn 2 (từ năm 2021 đến năm 2030): xây dựng thêm 2 cơ sở chuyên nuôi ươm và nhân giống cây dược liệu tại 2 huyện còn lại chưa có cơ sở sản xuất giống là Bát Xát và Si Ma Cai (mỗi huyện 1 cơ sở).

- Nguồn cung ứng giống tự do, chủ yếu do người dân tự đẻ giống: dự kiến đến năm 2020 sẽ chiếm khoảng 70% nhu cầu giống của vùng quy hoạch và đến năm 2030 sẽ giảm xuống còn khoảng 40% lượng giống sử dụng.

4.2. Quy hoạch nguồn cung ứng đầu vào cho sản xuất

- Nguồn phân hữu cơ vi sinh: dự kiến 100% nguồn phân này được quản lý bằng hình thức khuyến cáo hoặc cung cấp phương pháp ngâm ủ phân chuồng và các chất thải hữu cơ để làm phân bón cho cây.

- Phân hóa học (N,P,K); phân sinh học và thuốc BVTV: 100% được nhà nước quản lý thông qua hệ thống các cửa hàng, công ty cung cấp vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn lao động: Đây là yếu tố quyết định đến sự thành công của quá trình thực hiện quy hoạch, dự kiến đến năm 2020 sẽ có 30% lực lượng lao động được nhà nước quản lý thông qua hình thức đào tạo, tập huấn về sản xuất, thu hái, bảo quản và chế biến dược liệu an toàn và xây dựng vùng đủ điều kiện theo tiêu chuẩn GACP - WHO. Đến năm 2030 lực lượng lao động tham gia sản xuất cây dược liệu được qua đào tạo, cấp chứng nhận đạt khoảng 80%.

5. Các giải pháp

5. 1. Giải pháp về đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Đầu tư hoàn thiện hệ thống công trình chung phục vụ sản xuất như: đường giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi, đường điện.

Xây dựng hệ thống nhà thu gom, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm tại các vùng quy hoạch để tạo ra sản phẩm được liệu có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

5. 2. Giải pháp khoa học công nghệ, khuyến nông và đào tạo tập huấn

Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, cung ứng giống cây được liệu: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất giống (nuôi cấy mô tế bào), hệ thống vườn ươm để đảm bảo nhân nhanh các giống cây được liệu quý đáp ứng nhu cầu của vùng quy hoạch. Xây dựng các dự án khảo nghiệm, chọn tạo các giống phù hợp với điều kiện sinh thái để phục vụ nhu cầu nội tiêu hạn chế nhập giống từ nước ngoài. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất giống cây được liệu trên địa bàn vùng quy hoạch. Tuy nhiên ưu tiên các cơ sở sản xuất giống sẵn có của tỉnh như: Trung tâm giống NLN, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH-CN.

Xây dựng các mô hình ứng dụng các công nghệ mới tiên tiến trong sản xuất và tiêu thụ cây được liệu: Trên nền tảng các yếu tố kỹ thuật đã được xác định từ các công trình nghiên cứu khoa học, kết hợp kinh nghiệm thực tiễn từ những điển hình nông dân sản xuất giỏi trong vùng quy hoạch, hàng năm triển khai xây dựng các mô hình sản xuất cây được liệu ứng dụng công nghệ tiên tiến để nhân dân trong vùng dự án học tập làm theo.

Chuyên gia công nghệ, khuyến nông và đào tạo tập huấn: Hướng dẫn nông dân vùng dự án thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chung; canh tác, bảo quản để duy trì và nâng cao sản suất, chất lượng sản phẩm. Tăng cường công tác khuyến nông cho cây được liệu theo hướng chuyên gia kỹ thuật cho hộ nông dân; Tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình chuyên gia kỹ thuật; Ứng dụng các tiến bộ về công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch. Xây dựng một số trang tin, chuyên mục trên Website của Sở Nông nghiệp và PTNT để tuyên truyền, phổ biến quy trình kỹ thuật, các nhân tố, mô hình, điển hình tiên tiến để nhân dân áp dụng trong sản xuất.

5. 3. Giải pháp về thị trường và xúc tiến thương mại

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu thụ sản phẩm, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh cây được liệu phát triển. Hỗ trợ thành lập các mô hình điểm về kinh tế hợp tác, liên kết 4 nhà theo các hình thức khác nhau để tạo mối liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất và người tiêu thụ, tạo đầu ra ổn định cho cây được liệu trên địa bàn vùng quy hoạch. Xây dựng và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia tiêu thụ và mở rộng thị trường tiêu thụ cây được liệu trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Cùng cố và xây dựng các điểm thu gom, sơ chế và bảo quản sản phẩm cây được liệu của vùng quy hoạch.

Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, công ty có mong muốn tham gia vào việc liên kết giữa sản xuất, tiêu thụ và công bố chất lượng sản phẩm; xây dựng các mô hình liên kết, hợp tác sản xuất chế biến được liệu. Tổ chức các hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại; gắn kết du lịch với giới thiệu và quảng bá sản phẩm được liệu, từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm

5. 4. Giải pháp về cơ chế chính sách

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành. Thực hiện các chính sách của Trung ương (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ) và địa phương về tài chính, tín dụng; hỗ trợ đầu tư ứng dụng khoa học - công nghệ mới, phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp.

5. 5. Giải pháp huy động nguồn vốn

- *Nguồn vốn ngân sách nhà nước, chiếm 31,7% tổng vốn đầu tư thực hiện quy hoạch và được huy động từ nhiều nguồn, cụ thể như sau:*

Nguồn ngân sách trung ương: Được huy động thông qua các chương trình dự án có nguồn ngân sách trung ương như: Sử dụng vốn vay ưu đãi của chính phủ (ODA; ADB; WB; JCA...), nguồn này chủ yếu đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng tại vùng quy hoạch; vốn ngân sách trung ương thông qua các chương trình khuyến nông, dự án khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Khoa học Công nghệ để phát triển sản xuất cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

Nguồn ngân sách trong tỉnh: Được huy động từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, vốn ngân sách sự nghiệp hàng năm của tỉnh và địa phương; lồng ghép chương trình, dự án tập trung đầu tư phát triển sản xuất và tiêu thụ cây dược liệu.

- *Nguồn vốn huy động khác:* Nguồn vốn huy động từ người dân, doanh nghiệp và vay tín dụng phục vụ sản xuất chiếm 68,3% tổng vốn đầu tư, bao gồm: Vốn tự có từ nhân dân, nguồn vốn này được tính cả công lao động của người dân đóng góp và các vật tư, phân bón tự có của gia đình vào quá trình thực hiện dự án. Vốn từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư trực tiếp. Vốn vay tín dụng của nhà nước cho các hộ dân và doanh nghiệp vay để đầu tư vào phát triển sản xuất dược liệu trên địa bàn tỉnh.

6. Kinh phí thực hiện

a) Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện quy hoạch là **290.897.000.000** đồng (*Hai trăm chín mươi tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng*), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách là 92,268 tỷ đồng, chiếm 31,7% cơ cấu vốn đầu tư.
- Nguồn vốn huy động từ người dân, các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất cây dược liệu: 198,629 tỷ đồng, chiếm 68,3% cơ cấu vốn đầu tư.

b). Phân kỳ vốn đầu tư thực hiện

Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 là 290,897 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2020): 86,828 tỷ đồng, chiếm 29,8%
- Giai đoạn 2 (2021 -2030): 204,069 tỷ đồng chiếm 70,2% .

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức công bố nội dung quy hoạch để nhân dân biết, kiểm tra giám sát việc thực hiện; xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm cụ thể hóa quy hoạch. Tổ chức xây dựng các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, xây dựng chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan và các địa phương trong tỉnh để thực hiện tốt phương án quy hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chuyên giao công nghệ, hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng thương hiệu, triển khai đề tài, dự án... liên quan đến phát triển sản xuất cây dược liệu.

3. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện thực hiện các nội dung liên quan tới hoạt động tiêu thụ và xúc tiến thương mại.

4. Sở Y Tế có trách nhiệm phối hợp với Cục quản lý Y Dược học cổ truyền - Bộ Y tế và các ban ngành chức năng liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện GACP – WHO tại các cơ sở trồng trọt, thu hái, chế biến dược liệu hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai có hồ sơ công bố sản xuất dược liệu theo GACP - WHO.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: bố trí quỹ đất quy hoạch sản xuất cây dược liệu không thực hiện vào mục đích khác.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các ban ngành liên quan thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng các vùng sản xuất, kinh doanh cây dược liệu theo sự phân cấp quản lý của tỉnh.

7. Sở Tài chính: Căn cứ vào các nội dung quy hoạch, phối hợp với các sở, ban ngành cân đối kinh phí từ ngân sách tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

8. Các tổ chức xã hội, đoàn thể: phối hợp phổ biến tuyên truyền nhân dân chấp hành tốt các qui định của Nhà nước và tỉnh trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ cây dược liệu.

9. UBND các huyện: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng các chương trình, dự án phù hợp với điều kiện địa phương gửi các ngành thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

10. UBND các xã, thị trấn: Thực hiện công tác hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh cây dược liệu trên địa bàn mình quản lý theo kế hoạch của các ngành chức năng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở: NNPTNT, YT, KHĐT, TC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP,
- Lưu: VT, TH, VX, NLN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thế



Phụ biểu 01. Nhu cầu vốn quy hoạch phát triển dược liệu tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số: 4478 /QĐ-UBND ngày 14 /12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng vốn	Cơ cấu (%)	Nguồn kinh phí	
				Ngân sách	Nguồn khác
I	Đầu tư cơ sở hạ tầng: 30% ngân sách; huy động nguồn vốn lồng ghép từ chương trình đầu tư xây dựng cơ bản	49.000	16,8	14.700	34.300
II	Đầu tư cho khoa học công nghệ và khuyến nông, đào tạo tập huấn....	232.987	80,1	73.113	159.874
1	Xây dựng mô hình sản xuất giống dược liệu sạch bệnh	4.500	1,5	2.290	2.210
2	Xây dựng mô hình: Hỗ trợ trực tiếp 15 triệu/ha	224.842	77,3	68.250	156.592
3	Đào tạo, tập huấn (70% ngân sách)	3.645	1,3	2.573	1.073
III	Thị trường và xúc tiến thương mại	8.910	3,1	4.455	4.455
	Tổng cộng	290.897	100,0	92.268	198.629
	Cơ cấu (%)	100,0		31,7	68,3

Handwritten signature



PHỤ BIỂU 02

Tổng hợp diện tích, năng suất, sản lượng cây dược liệu hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Kiểm tra Quyết định số: 4478 /QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chủng loại cây dược liệu	Diện tích quy hoạch (ha)							Ước năng suất BQ (tấn/ha)	Sản lượng quy hoạch (tấn)						
		H. Sa Pa	H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng		H. Sa Pa	H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng
A	Giai đoạn 1 (đến năm 2020)	240	465	135	145	165	20	1.200		2.598	535	949	620	155	63	4.919
I	Nhóm cây dược liệu trồng trên đất hàng năm	210	205	110	145	30		730		2.568	390	928	620	58	50	4.613
1	Actisô	120	0	40	20	0		180	20	2.400	0	800	400	0	0	3.600
2	Đương quy	30	80	30	40	5	20	205	2	60	160	60	80	10	40	410
3	Xuyên Khung	40	85	5	5	5		140	2	80	170	10	10	10	0	280
4	Độc Hoạt	5	10	15	0	5		35	1,5	8	15	23	0	8	0	53
5	Bạch Truật	5	10	10	0	10		35	2	10	20	20	0	20	0	70
6	Tam Thất	0	5	5	50	5		65	2	0	10	10	100	10	0	130
7	Y Di	0	0	0	20	0		20	1	0	0	0	20	0	0	20
8	Nhóm cây dược liệu khác trên đất trồng cây hàng năm	10	15	5	10	0	10	50	1	10	15	5	10	0	10	50
II	Nhóm cây dược liệu trên đất rừng và cây lâu năm	30	260	25	0	135	20	470		30	145	22	0	98	13	307
1	Hồi	0	0	0	0	65		65	0,8	0	0	0	0	52	0	52
2	Chè dây	10	50	20	0	35		115	1	10	50	20	0	35	0	115
3	Sa nhân tím	0	165	5	0	35	10	215	0,3	0	50	2	0	11	3	65
4	Nhóm cây dược liệu khác trên đất lâm nghiệp	20	45	0	0	0	10	75	1	20	45	0	0	0	10	75

TT	Chủng loại cây dược liệu	Diện tích quy hoạch (ha)							Ước năng suất BQ (tấn/ha)	Sản lượng quy hoạch (tấn)						
		H. Sa Pa	H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng		H. Sa Pa	H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng
B	Giai đoạn 2 (2021 - 2030)	1.005	1.155	505	535	300	200	3.700		5.335	1.771	2.280	1.443	336	282	11.447
I	Nhóm cây dược liệu trồng trên đất hàng năm	575	400	370	500	55	50	1.950		4.000	723	1.915	1.343	100	90	8.170
1	Actisô	165	0	70	25	0		260	20	3.300	0	1.400	500	0	0	5.200
2	Đương quy	80	90	65	60	5	40	340	2	160	180	130	120	10	80	680
3	Xuyên Khung	75	145	30	45	5		300	2	150	290	60	90	10	0	600
4	Tục đoạn	70	20	25	40	5		160	2	140	40	50	80	10	0	320
5	Đảng Sâm	70	30	25	20	5		150	1	70	30	25	20	5	0	150
6	Độc Hoạt	50	15	10	25	0		100	1,5	75	23	15	38	0	0	150
7	Mộc Hương	30	10	5	20	0		65	2	60	20	10	40	0	0	130
8	Bạch Truật	5	10	30	35	10		90	2	10	20	60	70	20	0	180
9	Bạch chỉ	0	15	25	40	10		90	2	0	30	50	80	20	0	180
10	Dương Cam cúc	0	15	25	40	5		85	1	0	15	25	40	5	0	85
11	Huyền Sâm	0	15	25	40	5		85	2	0	30	50	80	10	0	170
12	Tam Thất	0	10	5	75	5		95	2	0	20	10	150	10	0	190
13	Ô Dầu	10	0	0	0	0		10	1,5	15	0	0	0	0	0	15
14	Y Dĩ	0	0	10	30	0		40	1	0	0	10	30	0	0	40
15	Nhóm cây dược liệu khác trên đất trồng cây hàng năm	20	25	20	5	0	10	80	1	20	25	20	5	0	10	80

12/2024



TT	Chung loại cây được	Diện tích quy hoạch (ha)							Ước năng suất BQ (tấn/ha)	Sản lượng quy hoạch (tấn)						
		H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng	H. Sa Pa		H. Bát Xát	H. Bắc Hà	H. Si Ma Cai	H.M. Khương	H. Văn Bàn	Tổng cộng	
II	Nhóm cây được liệt kê trên đất rừng và cây lâu năm	430	755	135	35	245	150	1.750		1.335	1.049	365	100	236	192	3.277
1	Hà Thủ ô đỏ	105	75	20	5	10		215	2	210	150	40	10	20	0	430
2	Đỗ Trọng	95	45	25	5	0		170	5	475	225	125	25	0	0	850
3	Hoàng Bá	85	40	15	5	0		145	5	425	200	75	25	0	0	725
4	Hồi	0	0	0	0	105		105	0,8	0	0	0	0	84	0	84
5	Bình Voi	10	10	0	0	10		30	1	10	10	0	0	10	0	30
6	Chè dây	5	165	20	0	50		240	1	5	165	20	0	50	0	240
7	Sa nhân tím	0	295	0	0	40	40	375	0,3	0	89	0	0	12	12	113
8	Giáo cỏ lam	80	85	50	20	30	70	335	2	160	170	100	40	60	140	670
9	Nhóm cây được liệt kê khác trên đất lâm nghiệp	50	40	5	0	0	40	135	1	50	40	5	0	0	40	135

Handwritten signature or mark.